TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16-4-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Công Tâm; Bà Bùi Thị Thúy Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2025/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Diệu L, sinh năm: 1990; địa chỉ: 6 ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre; nơi ở hiện nay: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành L1, sinh năm: 1984; địa chỉ: 6 ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bà L, ông L1 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải, biên bản phiên họp, nguyên đơn là bà Lê Diệu L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thành L1 quen biết và tự nguyện kết hôn vào năm 2017, không ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán; có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/7/2017.

Sau khi cưới thì vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên thời gian sau này thì bà biết được ông L1 thường xuyên qua lại với người phụ nữ khác, không còn thương yêu lo lắng cho vợ con, không phụ giúp bà nuôi con. Bà đã cố gắng chịu đựng để giữ gìn hạnh phúc gia đình và cho con có đầy đủ cha mẹ, nhưng đến năm 2021 thì bà phát hiện ông L1 có con riêng với người phụ nữa khác. Do vậy bà đã dẫn hai đứa con về nhà cha mẹ ruột ở ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang sinh sống cho đến nay, cũng từ đó bà và ông L1 đã sống ly thân với nhau.

Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể nào sống chung với nhau được nữa nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L1, bà L không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Lê Thành H, sinh ngày 19/01/2018 và Nguyễn Lê Thành H1, sinh ngày 10/4/2019. Khi ly hôn bà L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con nêu trên, yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng/người con/tháng cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Không có.

Về nợ: Không có.

- Trong văn bản trình bày ý kiến, biên bản phiên họp, biên bản hòa giải bị đơn là ông Nguyễn Thành L1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý với phần trình bày của bà Lê Diệu L về thời gian kết hôn, điều kiện và địa điểm đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thì ông bà chung sống với nhau hạnh phúc khoảng 03 năm, thời gian sau thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, gây gổ nhau; bà L đã bỏ nhà đi nhiều lần, đến năm 2023 thì bà L bỏ đi luôn cho đến nay. Nay ông L1 đồng ý ly hôn với bà Lê Diệu L, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Có hai người con chung tên Nguyễn Lê Thành H, sinh ngày 19/01/2018 và Nguyễn Lê Thành H1, sinh ngày 10/4/2019 (đang sống chung với bà Lê Diệu L); khi ly hôn ông L1 yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai người con nêu trên, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không có.

Về nợ: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bà Lê Diệu L xin rút lại yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con.

- Ông Nguyễn Thành L1 giữ nguyên yêu cầu và lời trình bày như đã nêu.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Thẩm phán thụ lý, giải quyết, thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

+ Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử:

[1] Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Lê Diệu L và ông Nguyễn Thành L1.

[2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Thành H, sinh ngày 19/01/2018 và Nguyễn Lê Thành H1, sinh ngày 10/4/2019 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông L1 không phải cấp dưỡng cho con.

[3] Tài sản chung: không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Nợ chung: không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lê Diệu L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con"* với ông Nguyễn Thành L1. Đây là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Thành L1 có địa chỉ thuộc huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa bà L và ông L1 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do có phát sinh mâu thuẫn làm cho cuộc sống chung không còn hạnh phúc nữa nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông L1. Trong giai đoạn hòa giải, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, ông L1 cũng đồng ý ly hôn với bà L. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên cần ghi nhận.

[3] Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Bà L, ông L1 không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét, giải quyết.

[4] Về nuôi con chung: Bà L và ông L1 có hai người con chung là Nguyễn Lê Thành H, sinh ngày 19/01/2018 và Nguyễn Lê Thành H1, sinh ngày 10/4/2019; bà L và ông L1 đều yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai người con này.

Xét thấy, mặc dù bà L và ông L1 đều yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng, hai người con này hiện đang sinh sống ổn định với bà L. Từ sau khi bà L và ông L1 sống ly thân với nhau thì bà L là người trực tiếp nuôi con, cháu Nguyễn Lê Thành H đã trên bảy tuổi và có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với bà L. Bà L có công việc, thu nhập, chỗ ở ổn định, ngoài việc tự mình chăm sóc hai cháu còn được sự hỗ trợ của cha mẹ để bà L trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Cả hai cháu vẫn phát triển bình

thường về mặt thể chất cũng như tinh thần, đã quen với môi trường sống hiện tại và đang đi học ổn định (cháu Nguyễn Lê Thành H đang học tại lớp 1/1 trường Tiểu học T1; cháu Nguyễn Lê Thành H1 đang học tại lớp Lá 3, trường mầm non T1, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang). Từ đó cho thấy bà L đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của hai cháu nên cần căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao Nguyễn Lê Thành H, sinh ngày 19/01/2018 và Nguyễn Lê Thành H1, sinh ngày 10/4/2019 cho bà Liên tiếp T nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L xin rút lại yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[6] Về chia tài sản: Bà Lê Diệu L, ông Nguyễn Thành L1 thống nhất xác định không có tài sản.

[7] Về nợ: Bà Lê Diệu L, ông Nguyễn Thành L1 thống nhất xác định không có nợ.

[8] Về phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1] *Về hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Diệu L và ông Nguyễn Thành L1.

[2] *Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn:* Ghi nhận việc bà Lê Diệu L và ông Nguyễn Thành L1 không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[3] *Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con:*

- Giao cho bà Lê Diệu L được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi hai người con chung giữa bà và ông Nguyễn Thành L1 là Nguyễn Lê Thành H, sinh ngày 19/01/2018 và Nguyễn Lê Thành H1, sinh ngày 10/4/2019. Ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con.

- Ông Nguyễn Thành L1 có quyền thăm nom con; không ai được cản trở ông L1 thực hiện quyền này. Trong trường hợp ông L1 lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông L1.

- Vì lợi ích của con chung, bà Lê Diệu L, ông Nguyễn Thành L1 hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Khi có lý do chính đáng, bà Lê Diệu L, ông Nguyễn Thành L1 có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về tài sản:* Bà Lê Diệu L, ông Nguyễn Thành L1 thống nhất không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về nợ:* Bà Lê Diệu L, ông Nguyễn Thành L1 thống nhất xác định không có nợ, Tòa án cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án này nên không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Lê Diệu L phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008899 ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; bà L được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

[7] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án:* Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[8] *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- Bà Lê Diệu L(01 bản);
- Ông Nguyễn Thành L(01 bản);
- UBND xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre (01 bản);
- VKSND huyện Chợ Lách (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Chợ Lách (01 bản);
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án(01 bản), Vp(01 bản), Tp(01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyền